

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 280 /2020/DS-PT

Ngày 15 – 12 – 2020

V/v tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Lập

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Văn Út

Bà Đinh Cẩm Đào

- Thư ký phiên tòa: Bà Hứa Như Nguyễn – Là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Màu – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 14 và 15 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 290/2020/TLPT-DS ngày 15 tháng 10 năm 2020 về việc tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 96/2020/DS-ST ngày 09 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Cái Nước bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 262/2020/QĐ-PT ngày 28 tháng 10 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Ngô Ngọc H, sinh năm 1959 (Có mặt);

Địa chỉ cư trú: Ấp C, xã P, huyện C, tỉnh C ..

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà H: Ông Trịnh Thanh L, là Luật sư của Văn phòng Luật sư Trịnh Thanh L, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Cà Mau (Có mặt).

- Bị đơn: Bà Trần Thị B, sinh năm 1962 (Có mặt);

Địa chỉ cư trú: Ấp C, xã P, huyện C, tỉnh C ..

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà B: Ông Nguyễn Văn Trung, là Luật sư của Văn phòng Luật sư Quốc Khởi, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Cà Mau (Có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Trần Thị D2 (Trần Ngọc D2), sinh năm 1964 (Có mặt);

2. Ông Trịnh Chí D1, sinh năm 1963 (Vắng mặt);

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp C, xã P, huyện C, tỉnh C ..

3. Bà Ngô Thị M, sinh năm 1954 (Có mặt);

Địa chỉ cư trú: Ấp 17, xã K, huyện U, tỉnh C ..

4. Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau (Vắng mặt);

Địa chỉ: Khóm 2, thị t, huyện C, tỉnh C ..

5. Ủy ban nhân dân huyện Cái N, tỉnh Cà Mau (Vắng mặt).

Địa chỉ: Khóm 2, thị t, huyện C, tỉnh C ..

- *Người kháng cáo:* Bà Trần Thị B, là bị đơn; ông Trịnh Chí D1, là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo bà Ngô Ngọc H trình bày:*

Nguồn gốc phần đất tranh chấp của mẹ bà là cụ Tạ Ánh Ng cho bà vào năm 1994; cụ Ng cho bà diện tích là 05 công tầm lớn, chỉ nói miệng. Sau khi được cho đất, bà có cất nhà ở vào năm 2008, còn phần đất ruộng thì bà để cho em của bà là Trần Thị B đang sống chung với cụ Ng canh tác, khi cụ Ng còn sống có nói khi nào bà về ở thì sẽ giao lại cho bà phần đất đã cho. Đến ngày 05/5/2010, cụ Ng có đến Ủy ban nhân dân xã Phú Hưng lập tờ di chúc với nội dung cho bà phần đất mặt tiền diện tích 500 m² và phần đất ruộng 02 công tầm lớn (chiều ngang là 36 mét, dài 72 mét), tổng cộng là 3.092 m²; di chúc được Ủy ban nhân dân xã Phú Hưng chứng thực cùng ngày. Sau đó, bà đã bao khuôn phần đất của bà được cho ra thành một khuôn riêng, nhưng bà B ngăn cản không cho canh tác. Phần đất bà được cụ Ng cho hiện nay do cụ Ng đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bà B đang giữ và đang canh tác đất, cụ Ng đã chết vào năm 2014. Nay bà yêu cầu bà B và ông D1 trả cho bà phần đất theo bản trích đo hiện trạng ngày 09/8/2019 diện tích 3.020,02 m² có vị trí tứ cận như sau: Phía Đông giáp với đất ông Nguyễn Văn Chiến; Phía Tây giáp với đất của mẹ của bà do bà B đang quản lý; Phía Nam giáp với đất của mẹ của bà do bà B đang quản lý; Phía Bắc giáp với sông Ba Ngàn.

- *Theo bà Trần Thị B trình bày:*

Vào năm 1978, mẹ của bà là cụ Tạ Ánh Ng về ấp Cái Rắn, xã Phú Hưng, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau mua phần đất có diện tích là 13 công tầm lớn. Cụ Ng cùng với bà và người chị tên Trần Thị D2 canh tác. Sau này cụ Ng cho người chị của bà là Ngô Thị M 05 công tầm lớn, cho em của bà là Trần Thị D2 05 công tầm lớn. Còn lại 03 công cụ Ng cho bà H nhưng bà H không nhận mà đi nơi khác sinh sống. Khi đó cụ Ng không có người nuôi dưỡng nên bà mới về ở để nuôi cụ Ng. Đến năm 2008, bà H mới về mượn chỗ cất nhà ở thì cụ Ng và các chị em của bà đồng ý. Đến năm 2012, cụ Ng có họp gia đình cho bà H phần đất mặt tiền diện tích là 500 m² và phần đất ruộng là 02 công nhưng hai phần đất này không liền với nhau, phần đất ruộng nằm ở phía sau hậu đất. Bà thừa nhận di chúc ngày 05/5/2010 là do cụ Tạ Ánh Ng lập và bà đồng ý thực hiện theo di chúc cụ Ng cho đất cho bà H. Bà yêu cầu thực hiện đúng theo di chúc do cụ Ng lập, bà chỉ đồng ý giao cho bà H phần đất thửa số 3, 6, 7, 11 theo bản trích đo hiện trạng ngày 09/8/2019 có diện tích là 4.388 m² (Trong đó có một phần đất thổ cư và một phần đất ruộng phía sau)

và buộc bà H phải trả cho bà số tiền công sức cải tạo là 120.000.000 đồng. Nếu bà H không đồng ý nhận phần đất trên thì bà không đồng ý giao đất. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trước đây bà có thể chấp cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện Cái Nước để vay tiền nhưng nay đã trả xong nợ và đã nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Theo bà Ngô Thị M trình bày:

Trước đây khi cụ Ng còn sống có nói miệng cho bà H 500 m² đất thổ cư và 02 công tầm lớn đất ruộng phía sau, bà H có nhận đất làm ruộng, sau đó đến năm 2012 cụ Ng có kêu bà về chứng kiến việc cho bà H 500 m² đất thổ cư và 02 công đất liền kề với 500 m² đất thổ cư, việc cho đất này có làm giấy xác nhận cho tài sản ngày 02/6/2012 có bà, bà Diện, bà H, bà B ký tên. Bà không có ý kiến gì về việc tranh chấp giữa bà H với bà B, cụ Ng cho ai bao nhiêu thì người đó hưởng bấy nhiêu.

- Theo bà Trần Thị D2 trình bày:

Trước đây cụ Ng có phần đất 13 công tầm lớn tọa lạc tại ấp Cái Rắn A, xã Phú Hưng, huyện Cái Nước, sau này cụ Ng cho bà 05 công đất tầm lớn bà canh tác cho đến nay. Ngoài ra cụ Ng cho chị của bà là Ngô Thị M 05 công đất tầm lớn nhưng bà M đã bán hết lại cho bà B. Còn lại 03 công bà B canh tác, đến khi cụ Ng già yếu nên bà B đứng ra bán cho bà 01 công đất để lo cho cụ Ng, bà mua 01 công đất từ bà B với giá là 10 chỉ vàng 24k, việc bà B bán cho bà 01 công đất cũng chỉ nói miệng chứ không có làm giấy tờ mua bán. Phần đất 01 công bà mua của bà B hiện nay bà vẫn để cho bà B canh tác. Toàn bộ 13 công đất hiện nay do mẹ của bà là cụ Ng đứng tên, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bà B đang giữ. Bà đồng ý theo di chúc do cụ Ng lập vào ngày 05/5/2010, bà đồng ý cho bà H 500 m² đất thổ cư và 02 công đất ruộng nhưng 02 phần đất cụ Ng cho bà H không liền kề với nhau mà phần đất ruộng nằm ở phía sau.

- Theo đại diện Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau trình bày:

Ngày 10/12/2015, bà B có thể chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện Cái Nước để vay số tiền vốn là 94.000.000 đồng. Đến ngày 25/7/2016, bà B đã thanh toán xong cả nợ gốc và nợ lãi cho Ngân hàng, hiện nay bà B không còn thiếu nợ Ngân hàng. Ngân hàng xét thấy không còn liên quan trong vụ án này, nên xin không tham gia tố tụng trong vụ án.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 96/2020/DS-ST ngày 09 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Cái Nước (được sửa chữa, bổ sung theo Quyết định số 22/QĐ-SCBSBA ngày 21/9/2020) quyết định:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Ngọc H đối với bà Trần Thị B và ông Trịnh Chí D1. Buộc bà Trần Thị B và ông Trịnh Chí Tr phải trả lại cho bà Ngô Ngọc H phần đất theo đo đạc thực tế có tổng diện tích là 3.020,2 m² được ký hiệu gồm các thửa 2+3+5+6+7+8 tại bản trích đo hiện trạng được lập ngày 06/8/2019 của Trung tâm kỹ thuật – Công nghệ - Quan trắc Tài nguyên và Môi

trường tỉnh Cà Mau, có tứ cận như sau: Phía Đông giáp đất ông Nguyễn Văn Chiến có cạnh dài 82,03m; Phía Tây cạnh đất bà Trần Thị B đang quản lý, sử dụng có cạnh dài 87,51m; Phía Nam giáp đất bà Trần Thị B đang quản lý, sử dụng có cạnh dài 36m; Phía Bắc giáp Kinh Ba Ngàn có cạnh dài 35,7m. Phần đất tọa lạc tại ấp Cái Rắn A, xã Phú Hưng, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Trần Thị B về việc buộc bà Ngô Ngọc H phải trả cho bà tiền chi phí cải tạo và công sức đóng góp trên phần đất tranh chấp với số tiền 60.000.000 đồng.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, lãi suất chậm trả, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 23/9/2020, ông Trịnh Chí D1 và bà Trần Thị B có đơn kháng cáo không đồng ý giao đất cho bà H như án sơ thẩm tuyên; yêu cầu hủy bản án sơ thẩm hoặc sửa bản án sơ thẩm, ông bà đồng ý giao cho bà H bất cứ vị trí nào trong 03 công đất của bà Ng để lại; không thống nhất trả lại cho bà H số tiền chi phí đo đạc 23.601.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Trần Thị B xác định kháng cáo yêu cầu hủy bản án sơ thẩm; ông Trịnh Chí D1 vắng mặt không lý do.

Phản tranh luận tại phiên tòa:

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà B phát biểu: Di chúc và giấy cho tài sản của cụ Ng cho đất bà H nhưng không nói vị trí đất cho; phần đất tranh chấp là đất của bà B bồi đắp chứ không phải là đất của cụ Ng. Năm 2008, bà H mượn phần đất của bà B để cất nhà cho con ở. Khi bà H đặt ống bọng và nộp tiền làm lộ đã có tranh chấp, cấp sơ thẩm thu thập chứng cứ chưa đầy đủ. Theo giấy cho tài sản của cụ Ng cho bà H phần đất ngang 36m, dài 72m nhưng án sơ thẩm xử buộc bà B và ông D1 trả diện tích đất 3.020,2m² là vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Cấp sơ thẩm buộc bà B và ông D1 trả đất nhưng không đưa các con của bà B và ông D1 tham gia tố tụng để thi hành án là vi phạm tố tụng. Quyết định án sơ thẩm buộc ông Trịnh Chí Tr mà không đính chính Trịnh Chí D1 là không thể thi hành án được; đồng thời tuyên theo bản trích đo ngày 06/8/2019 nhưng hồ sơ không có bản vẽ ngày 06/8/2019. Từ những sai sót trên, kiến nghị Hội đồng xét xử hủy toàn bộ bản án sơ thẩm, giao hồ sơ về cấp sơ thẩm để giải quyết lại vụ án theo quy định pháp luật.

Bà B không có ý kiến tranh luận.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà H phát biểu: Các đương sự đều thừa nhận di chúc và giấy cho đất của cụ Ng cho đất bà H, chỉ không thống nhất với nhau về vị trí phần đất được cho. Tuy nhiên, khi cho đất bà H đã bao chu vi phần đất được cho, bà H đã có đặt ống bọng xô nước và nộp tiền làm lộ. Cấp sơ thẩm đã xác minh, thu thập chứng cứ đầy đủ khi giải quyết vụ án. Bà B, ông D1, và các con của bà B và ông D1 cũng không trực tiếp ở trên phần đất tranh chấp nên việc cấp sơ thẩm không đưa các con bà B và ông D1 tham gia tố tụng cũng không ảnh hưởng cho việc thi hành án buộc giao đất. Đối với quyết định của án sơ thẩm có sai sót đối với tên ông Trịnh Chí D1 nhưng ghi Trịnh Chí Tr, tuy nhiên ông D1

cũng biết nội dung bản án tuyên buộc ông trả đất và ông D1 có kháng cáo. Sai sót này không làm thay đổi nội dung vụ án và cấp phúc thẩm khắc phục được nên không cần phải hủy án. Theo yêu cầu khởi kiện của bà H yêu cầu bà B và ông D1 giao trả phần đất mặt tiền 500m² và phần đất ruộng 02 công chứ không phải chỉ đòi diện tích đất ngang 36 m, dài 72m, nên việc xét xử của cấp sơ thẩm không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện của bà H. Do đó, kiến nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bà H, bà M không có ý kiến tranh luận.

Bà D2 phát biểu: Không đồng ý giao cho bà H phần đất theo vị trí như án sơ thẩm xét xử.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa phát biểu: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án; của Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng tại phiên tòa đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 312 của Bộ luật tố tụng dân sự: Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu kháng cáo của ông Trịnh Chí D1; không chấp nhận kháng cáo của bà Trần Thị B, giữ nguyên bản án sơ thẩm .

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông Trịnh Chí D1 có đơn kháng cáo, ông D1 đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do và cũng không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên xem như ông D1 đã từ bỏ quyền kháng cáo của mình. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 296, khoản 2 Điều 312 của Bộ luật tố tụng dân sự: Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của ông D1.

[2] Xét kháng cáo của bà Trần Thị B, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Bà H yêu cầu bà B và ông D1 giao trả cho bà H phần đất theo đo đạc thực tế có diện tích 3.020,2 m² (trong đó có 01 phần đất mặt tiền diện tích 500m² và phần đất ruộng tiếp giáp với phần đất mặt tiền diện tích 02 công tầm lớn) tọa lạc tại ấp Cái Rắn A, xã Phú Hưng, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau mà cụ Tạ Ánh Ng đã chia cho bà H theo di chúc lập ngày 05/5/2010 và giấy cho đất ngày 02/6/2012. Bà B và ông D1 không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà H, mà chỉ đồng ý giao cho bà H phần đất mặt tiền diện tích 500m² (ngang 8m) và phần đất ruộng diện tích 02 công tầm lớn ở phía sau hậu theo vị trí như bà B tự xác định tại bản trích đo hiện trạng ngày 09/8/2019; đồng thời, bà B yêu cầu bà H phải trả lại cho bà B tiền đầu tư cải tạo phần đất với số tiền 120.000.000 đồng.

[2.2] Xét nguồn gốc đất tranh chấp được xác định là của cụ Ng (là mẹ của bà H, bà B) tạo lập, cụ Ng được Ủy ban nhân dân huyện Cái N cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 26.940m² vào ngày 10/01/1995. Bà B cho rằng trong diện tích đất nêu trên, phần đất cụ Ng chỉ có 13 công, phần còn lại là của bà B do bà B tự khai phá nhưng không có chứng cứ chứng minh, nên không có cơ sở chấp nhận.

[2.3] Ngày 05/5/2010, cụ Ng lập di chúc cho bà H phần đất gồm: 500m² đất mặt tiền và 02 công đất ruộng. Đến ngày 02/6/2012 cụ Ng làm giấy cho đất bà H phần đất ngang 36m, dài 72m. Bà B thừa nhận có việc cụ Ng lập di chúc và giấy cho đất bà H và đồng ý giao phần đất diện tích như trong di chúc lại cho bà H. Tuy nhiên, các bên không thống nhất vị trí phần đất 02 công phải giao, do trong di chúc của cụ Ng không xác định rõ 02 công đất này ở vị trí nào.

[2.4] Xét thấy: Mặc dù bà H và bà B xác định không thống nhất với nhau về vị trí của 02 công đất mà cụ Ng cho bà H, nhưng thực tế sau khi cụ Ng lập di chúc và giấy cho đất bà H thì năm 2012 bà H đã lên bờ bao chu vi của phần đất, đặt ống bọng xỏ nước, khoan giếng nước ngầm và trước đó đã có cất nhà ở trên đất, khi Nhà nước làm lộ giao thông nông thôn ngang phần đất bà H cũng là người đóng tiền để làm lộ. Thời điểm này cụ Ng vẫn còn sống, nhưng cụ Ng cũng không có ý kiến gì, nên xem như cụ Ng mặc nhiên đồng ý cho bà H vị trí đất như bà H xác định. Đối với bà B cho rằng khi bà H lên bờ bao chu vi đất, đặt bọng xỏ nước bà không đồng ý, có tranh chấp nhưng không có chứng cứ chứng minh nên không có cơ sở chấp nhận. Hơn nữa, phần đất này là của cụ Ng nên cụ Ng có quyền định đoạt đối với phần đất cho bà H, cho dù bà B không đồng ý, có tranh chấp thì cũng không được chấp nhận.

[2.5] Mặt khác, thời điểm cụ Ng làm di chúc và giấy cho đất bà H thì phần đất này đã chuyển dịch cơ cấu sang nuôi trồng thủy sản; do đó, cụ Ng cho bà H phần đất 02 công tầm lớn giáp với phần đất 500m² đất mặt tiền sẽ thuận lợi cho bà H trong việc sản xuất. Việc bà B cho rằng 02 công đất mà cụ Ng cho bà H không liền kề với phần đất 500m² mặt tiền mà nằm ở phía sau hậu là không phù hợp, bởi vì phần đất 02 công tầm lớn phía sau theo như bà B xác định thì sẽ không có đường xỏ nước vì xung quanh là đất của bà B, bà Diện và những hộ dân khác, nên không thuận tiện cho bà H trong việc quản lý sử dụng và canh tác đối với phần đất. Căn cứ theo đo đạc thực tế, diện tích đất bà H xác định yêu cầu bà B trả lại là 3.020,2m² (trong đó 500m² đất mặt tiền, phần còn lại là 2.520,2m² gần tương đương với diện tích 02 công đất tầm lớn) là phù hợp với diện tích đất mà cụ Ng đã cho bà H theo tờ di chúc do cụ Ng lập ngày 05/5/2010. Đối với bà B xác định diện tích cụ Ng cho bà H theo đo đạc thực tế tổng cộng là 4.388m² (trong đó 500m² đất mặt tiền, phần còn lại là 3.888m² gần tương đương với diện tích 03 công đất tầm lớn) là không phù hợp theo tờ di chúc của cụ Ng. Do đó, cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H về việc yêu cầu bà B, ông D1 trả lại cho bà diện tích đất gồm 500m² đất mặt tiền và 2.520,2m² đất liền kề tổng cộng 3.020,2m² theo vị trí mà bà H xác định tại trích đo hiện trạng được lập ngày 09/8/2020 là có căn cứ.

[3] Đối với yêu cầu của bà B về việc buộc bà H phải trả cho bà tiền chi phí đầu tư cải tạo đất, thấy rằng: Theo đơn phản tố của bà B ban đầu chỉ yêu cầu bà H trả số tiền 60.000.000 đồng; tại phiên tòa bà B yêu cầu bà H trả số tiền 120.000.000 đồng là vượt quá phạm vi phản tố ban đầu 60.000.000 đồng. Cấp sơ thẩm không xem xét đối với phần vượt phạm vi phản tố ban đầu của bà B và ông D1 là phù hợp. Đối với phần chi phí đầu tư cải tạo, bà B không có kháng cáo nên không đặt ra xem xét.

[4] Đối với căn cứ Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà B đặt ra để yêu cầu hủy án sơ thẩm, thấy rằng: Quá trình giải quyết vụ án, cấp sơ thẩm đã thu thập chứng cứ đầy đủ để đảm bảo cho việc giải quyết vụ án đúng pháp luật. Bà H khởi kiện yêu cầu bà B và ông D1 trả lại 500m² đất mặt tiền và 2 công đất ruộng nên án sơ thẩm xử buộc bà B và ông D1 giao trả cho bà H diện tích đất theo đo đạc thực tế 3.020,2m² là không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện của bà H. Tại cấp sơ thẩm bà B và ông D1 xác định từ khi cụ Ng chết thì trên phần đất tranh chấp chỉ có bà B, ông D1 trực tiếp canh tác, hưởng hoa lợi lợi tức và quản lý, sử dụng phần đất trên; các con của bà B, ông D1 không trực tiếp đóng góp cải tạo hay quản lý sử dụng phần đất trên và không có quyền và nghĩa vụ liên quan đến phần đất nên cấp sơ thẩm không đưa các con của ông bà B và ông D1 tham gia tố tụng trong vụ án là không vi phạm tố tụng. Đối với Quyết định án sơ thẩm có sai sót giữa tên Trịnh Chí Tr với Trịnh Chí D1 và bản trích đo ngày 06/8/2019 với bản trích đo 09/8/2019, sai sót này không làm thay đổi nội dung vụ án, cấp phúc thẩm có thể khắc phục bằng cách sửa bản án sơ thẩm đối với phần sai sót này, nên không cần thiết phải hủy án sơ thẩm. Do đó, ý kiến của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà B đề nghị hủy án sơ thẩm là không có cơ sở chấp nhận.

[5] Từ phân tích trên, cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bà Trần Thị B, sửa một phần bản án sơ thẩm là phù hợp.

[6] Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Trần Thị B, ông Trịnh Chí D1 phải chịu theo quy định.

[7] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị nên không đặt ra xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 296, khoản 2 Điều 308, Điều 309, khoản 2 Điều 312 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của ông Trịnh Chí D1.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Trần Thị B.

Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 96/2020/DS-ST ngày 09 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

Tuyên xử:

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Ngọc H đối với bà Trần Thị B và ông Trịnh Chí D1.

Buộc bà Trần Thị B và ông Trịnh Chí D1 phải trả lại cho bà Ngô Ngọc H phần đất theo đo đạc thực tế có tổng diện tích là 3.020,2 m² được ký hiệu gồm các thửa 2+3+5+6+7+8 tại bản trích đo hiện trạng được lập ngày 09/8/2019 của Trung tâm kỹ thuật – Công nghệ - Quan trắc Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cà Mau, có tứ cận như sau: Phía Đông giáp đất ông Nguyễn Văn Chiến có cạnh dài 82,03m; Phía Tây cạnh đất bà Trần Thị B đang quản lý, sử dụng có cạnh dài 87,51m; Phía

Nam giáp đất bà Trần Thị B đang quản lý, sử dụng có cạnh dài 36m; Phía Bắc giáp Kinh Ba Ngàn có cạnh dài 35,7m. Phần đất tọa lạc tại ấp Cái Rắn A, xã Phú Hưng, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

(Có sơ đồ đo đạc kèm theo).

- Buộc bà Trần Thị B và ông Trịnh Chí D1 phải liên đới trả lại cho bà Ngô Ngọc H số tiền chi phí đo đạc là 23.601.000 đồng (Hai mươi ba triệu sáu trăm lẻ một nghìn đồng).

Kể từ ngày bà H có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền nêu trên thì hàng tháng bà B và ông D1 còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

- Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Trần Thị B về việc buộc bà Ngô Ngọc H phải trả cho bà B tiền chi phí cải tạo và công sức đóng góp trên phần đất tranh chấp với số tiền 60.000.000 đồng.

- Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thị B và ông Trịnh Chí D1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng. Bà B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 1.500.000 đồng; ngày 05/6/2017 bà B đã dự nộp 1.500.000 đồng theo biên lai thu số 0003585 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cái Nước được đối trừ chuyển thu án phí.

Bà Ngô Ngọc H không phải chịu án phí; Ngày 28/02/2017 bà H đã dự nộp tạm ứng án phí số tiền 2.250.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0011056 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cái Nước được nhận lại.

- Án phí dân sự phúc thẩm bà Trần Thị B, ông Trịnh Chí D1 phải chịu 300.000 đồng. Ngày 23/9/2020 bà B, ông D1 đã dự nộp số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu số 0005721 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cái Nước được đối trừ chuyển thu án phí.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện Cái Nước;
- Chi cục THADS huyện Cái Nước;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thành Lập

